TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 7 - 2023
V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Bạn;

2. Bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 462/2023/TLST – HNGĐ ngày 16/5/2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Ch, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Ấp S, xã A, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; tạm trú: khu phố C, phường L, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Thạch H, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Ấp Đ, xã P, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; tạm trú: khu phố C, phường L, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: khu phố Đ, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thạch Thị Ch trình bày:*

Bà Ch và ông Thạch H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 75/2009 ngày 14 tháng 4 năm 2009. Sau khi kết hôn, bà Ch và ông H sinh sống và làm việc tại Bình Dương, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau khi bà Ch sinh con thì cuộc sống vợ chồng hoàn toàn không hạnh phúc. Bà Ch

và ông H thường xuyên cãi nhau, thậm chí ông H còn đánh đập bà và hai người đã sống ly thân hơn 04 năm. Bà Ch cho biết, mặc dù sống riêng nhưng mỗi ngày bà đi làm đều bị ông H đi theo và hăm dọa nơi làm việc khiến tinh thần của bà rất hoảng sợ, nhiều lần phải nhờ đến sự can thiệp của gia đình.

Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Ch yêu cầu được ly hôn với ông Thạch H.

Về con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên Thạch Tấn Q, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011. Tại đơn khởi kiện, bà Ch yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Trong quá trình giải quyết, hòa giải bà Ch không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo ý kiến, yêu cầu của mình, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Giấy khai sinh (bản photo chứng thực); Sổ hộ khẩu (bản photo chứng thực); Đơn tường trình (bản chính); Căn cước công dân (bản photo chứng thực); Phiếu EMS (bản photo); Trích lục kết hôn (bản sao);

* *Trong quá trình làm việc bị đơn ông Thạch H trình bày*:

Ông H thống nhất về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn như bà Ch đã trình bày.

Về vấn đề mâu thuẫn vợ chồng: ông H cho biết, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc. Từ lúc kết hôn, ông H và bà Ch có mâu thuẫn do sống trọ nhưng bà Ch hay nói ông bày biện nên có đôi lúc ông nóng nảy có đánh bà Ch vài lần. Sau khi sinh con ra, vợ chồng thường xuyên cãi nhau hơn. Hiện vợ chồng đã sống ly thân hơn 04 năm nhưng ông H không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Về con chung tên Thạch Tấn Q, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011, ông H không đồng ý giao cho bà Ch. Nếu bà Ch vẫn kiên quyết ly hôn và Tòa án đồng ý cho ly hôn, con chung giao cho bà Ch chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục thì ông H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo ý kiến, yêu cầu của mình, bị đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Căn cước công dân (bản photo);

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà Ch và ông H đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Về con chung là cháu Thạch Tấn Q giao cho bà Ch nuôi dưỡng là phù hợp; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ch không yêu cầu nên không xem xét; tài sản chung và nợ chung: Bà Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ch và ông H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 75/2009, cấp ngày 14/4/2009 là đúng quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nguyên đơn bà Ch khai sau khi kết hôn, bà Ch và ông H sinh sống và làm việc tại Bình Dương, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau khi bà Ch sinh con thì cuộc sống vợ chồng hoàn toàn thay đổi. Bà Ch và ông H thường xuyên cãi nhau, thậm chí ông H còn nhiều lần đánh bà, vợ chồng đã sống ly thân hơn 04 năm. Bà Ch cho biết mỗi ngày bà đi làm đều bị ông H đi theo và hăm dọa, liên tục rình rập nơi làm việc khiến tinh thần của bà rất hoảng sợ, nhiều lần phải nhờ đến sự can thiệp của gia đình.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì vợ chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà Ch và ông H không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án nhiều lần triệu tập bà Ch và ông H tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên các bên đều không hàn gắn được với nhau, không có tiếng nói chung. Ngoài ra, cả hai đều thừa nhận đã sống ly thân với nhau 04 năm. Như vậy, bà Ch yêu cầu được ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia

đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Ch và ông Thạch H có 01 con chung tên Thạch Tấn Q, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011. Bà Ch yêu cầu được nuôi con chung và hiện tại không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải dựa vào quyền lợi của con. Ông Thạch H và bà Ch sống ly thân 04 năm, trong thời gian này cháu Q sống cùng mẹ, và qua làm việc cháu Q có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Xét về quyền lợi về mọi mặt của con chung nên giao cho bà Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng: Hiện tại bà Ch không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

- Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bà Ch có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên là cháu Thạch Tấn Q, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ch phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228, 238, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Ch đối với bị đơn ông Thạch H về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Chu được ly hôn với ông Thạch H.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 75/2009, cấp ngày 14/4/2009 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Thạch Thị Ch và ông Thạch H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Thạch Tấn Q, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011 cho bà Ch trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bà Ch có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Hiện bà Ch không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên là cháu Thạch Tấn Q, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thạch Thị Ch phải nộp số tiền 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004472 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hoa Hạnh